

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2019

1. Thông tin chung về trường (Tính đến thời điểm xây dựng Đề án)

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (cơ sở và phân hiệu) và địa chỉ trang web

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực y tế ở trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Nhà trường cam kết tạo cho người học một môi trường giáo dục dân chủ, kỷ cương, minh bạch, văn hoá và có tính chuyên nghiệp cao. Đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực theo chuẩn, có đạo đức nghề nghiệp, ngoại ngữ chuyên ngành và kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc nhóm và khả năng học tập suốt đời. Hợp tác, phát triển về đào tạo, nghiên cứu và thực hành với các cơ sở, theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực y tế.

Phát huy thế mạnh của Trường về đào tạo các ngành Kỹ thuật y học, Điều dưỡng, Y đa khoa cam kết cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt chuẩn, đảm bảo nhanh chóng, tiện lợi và an toàn cho mọi người dân và cộng đồng.

Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Trụ sở: Số 01 Vũ Hựu – Phường Thanh Bình,
Thành phố Hải Dương – Tỉnh Hải Dương

Website: <http://www.hmtu.edu.vn>

1.2. Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành*	Quy mô hiện tại							
	NCS	Học viên CH	ĐH		CĐSP		TCSP	
			GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX	GD chính quy	GD TX
Khối ngành I								
Khối ngành II								
Khối ngành III								
Khối ngành IV								
Khối ngành V								
Khối ngành VI			2329	767				
Khối ngành VII								
Tổng (ghi rõ cả số NCS, học viên cao học, SV ĐH, CĐ, TC)			2329	767				

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 4 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 4 năm gần nhất (xét tuyển từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 4 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -4			Năm tuyển sinh -3			Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chi tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chi tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chi tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chi tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành VI												
Tổ hợp: Sinh, Toán, Hóa (B00)												
- Ngành 1: Y khoa	50	53	25	50	61	24	50	103	26.50	50	67	21.90
- Ngành 2: Điều dưỡng	220	215	22.5	250	218	21	250	223	22.50	250	315	18.00
- Ngành 3: Kỹ thuật Xét nghiệm y học	130	128	22.75	120	107	22.5	120	130	23.75	120	150	19.35
- Ngành 4: Kỹ thuật hình ảnh y học	70	72	22.5	120	88	21	120	120	22.00	120	170	18.00
- Ngành 5: Kỹ thuật Phục hồi chức năng	50	49	22.25	80	78	21	80	84	22.00	80	112	17.00
Tổng	520	517	×	620	552	×	620	660	×	620	814	×

2. Các thông tin của năm tuyển sinh

2.1. Đối tượng tuyển sinh:

*) Đối với tuyển sinh chính quy

Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, sau đây gọi chung là tốt nghiệp trung học; Người tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

*) Đối với tuyển sinh Đại học liên thông:

- + Tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương
- + Tốt nghiệp Cao đẳng y tế (*Cao đẳng Điều dưỡng, Cao đẳng Xét nghiệm y học*) đúng ngành dự thi
- + Có chứng chỉ hành nghề.
- + Có xác nhận đồng ý cho dự thi và theo học của cơ quan nơi thí sinh đang làm việc hay cơ quan quản lý y tế từ cấp Sở y tế hoặc tương đương trở lên.

2.2. Phạm vi tuyển sinh:

Tuyển sinh trong toàn quốc

2.3. Phương thức tuyển sinh:

*) Tuyển sinh chính quy: Trường áp dụng hình thức xét tuyển dựa trên kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2019.

*) Tuyển sinh liên thông: Thi tuyển

Trường thực hiện theo quyết định 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về “Quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng với trình độ đại học”

- Môn cơ bản: môn Toán học
- Môn cơ sở ngành: Môn Giải phẫu – Sinh lý
- Môn chuyên ngành: Nội dung các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng hiện hành, phù hợp với ngành dự thi.

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu
Hệ đại học chính quy		680
1. Y khoa (6 năm)	7720101	60
2. Điều dưỡng (4 năm)	7720301	280
3. Kỹ thuật Xét nghiệm y học (4 năm)	7720601	140
4. Kỹ thuật hình ảnh y học (4 năm)	7720602	120
5. Kỹ thuật Phục hồi chức năng (4 năm)	7720603	80

Hệ đại học Liên thông (từ cao đẳng)		130
1. Điều dưỡng	7720301	80
2. Kỹ thuật Xét nghiệm y học	7720601	50

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT:

*) Đối với Học sinh đăng ký sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét:

- Tốt nghiệp THPT.

- Tham gia kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019. Đã đăng ký sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia để xét tuyển Đại học.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (Trường sẽ công bố sau khi có kết quả xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe được Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố và điểm thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông quốc gia năm 2019).

*) Đối với Học sinh đã học bổ sung kiến thức dự bị đại học năm học 2018-2019 phải có học lực lớp 10,11,12 và năm học bổ sung kiến thức dự bị đại học xếp loại Giỏi trở lên đối với ngành Y khoa, xếp loại Khá trở lên đối với các ngành còn lại.

*) Những học sinh được xét tuyển thẳng vào trường theo khoản 2 Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy kèm theo Thông tư số 05 /2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo phải có học lực lớp 10,11,12 xếp loại Giỏi trở lên đối với ngành Y khoa, xếp loại Khá trở lên đối với các ngành còn lại.

Các đối tượng được xét tuyển thẳng vào trường:

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc đã tốt nghiệp trung học;

b) Người đã trúng tuyển vào trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được xét tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, trong đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT thì được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội

dung đề tài dự thi của thí sinh. Thí sinh trong đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế, dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế nếu chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT;

e) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào ĐH theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải.

Thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp THPT được bảo lưu đến hết năm tốt nghiệp THPT;

g) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng trường căn cứ vào kết quả học tập THPT của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

h) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học Hiệu trưởng trường căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

i) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú), tính đến ngày nộp hồ sơ ĐKXT theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo; thí sinh là người dân tộc rất ít người theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ;

Những thí sinh này phải học bổ sung kiến thức 1 năm học trước khi vào học chính thức.

*) Đối với tuyển sinh liên thông: Căn cứ ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào quy định tại Điều 6 của quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31/05/2017 của Thủ tướng chính phủ: điểm mỗi môn thi phải đạt từ 5.0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

- Mã trường: DKY

*) Tuyển sinh chính quy: Tổ hợp xét tuyển: B00

+ Bài thi Toán

+ Môn thi Sinh, Môn thi Hóa của bài thi Khoa học tự nhiên

*) Tuyển sinh liên thông: Thi tuyển

- Môn cơ bản: môn Toán học

- Môn cơ sở ngành: Môn Giải phẫu – Sinh lý

- Môn chuyên ngành: Nội dung các môn chuyên ngành trong chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng hiện hành, phù hợp với ngành dự thi.

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

Tuyển sinh chính quy: Xét tuyển kết quả thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019 theo lịch chung của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

Tuyển sinh liên thông: Dự kiến ngày thi tuyển theo nhiều đợt trong năm **2019**.

2.8. Chính sách ưu tiên:

Theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy kèm theo Thông tư số 05 /2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo.

- Điều kiện tuyển thẳng và điều kiện ưu tiên xét tuyển vào các ngành học:

+ Những thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển Quốc gia dự thi Olympic Quốc tế các môn Toán, Hóa, Sinh thuộc điểm c, khoản 2 điều 7 của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy; Những thí sinh đạt giải Nhất Quốc gia môn Sinh, Toán, Hóa; Những thí sinh đạt giải Quốc tế Nhất, Nhì, Ba, Tư trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật và đã tốt nghiệp THPT năm 2019 được tuyển thẳng vào tất cả các ngành.

+ Những thí sinh đạt giải Nhì và Ba trong cuộc thi chọn học sinh giỏi Quốc gia môn Sinh, Toán, Hóa và đã tốt nghiệp THPT năm 2019 được tuyển thẳng vào ngành: Điều dưỡng (Đa khoa, Nha khoa, Gây mê hồi sức, Sản phụ khoa), Xét nghiệm Y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Phục hồi chức năng;

+ Những thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật Quốc gia đã tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2019. Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học của Trường sẽ xem xét cụ thể kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đạt giải để tuyển thẳng vào một số ngành hệ cử nhân.

+ Tổng số thí sinh tuyển thẳng không quá 10% mỗi ngành. Nếu số lượng đăng ký tuyển thẳng vượt quá 10% chỉ tiêu mỗi chuyên ngành, Nhà Trường sẽ xét tiêu chí ưu tiên theo thứ tự sau:

- Đối với những thí sinh được miễn thi tốt nghiệp THPT: Ưu tiên 1 Theo thứ tự đạt giải; Ưu tiên 2 Điểm tổng kết 03 năm học THPT.

- Đối với những thí sinh phải thi tốt nghiệp THPT: Ưu tiên 1 Tổng điểm Bài thi Toán và môn thi Sinh, môn thi Hóa của bài thi Khoa học tự nhiên; Ưu tiên 2 Điểm tổng kết 03 năm học THPT.

+ Ưu tiên xét tuyển (Áp dụng cho các thí sinh không đạt điều kiện tuyển thẳng hay không dùng điều kiện tuyển thẳng và tốt nghiệp THPT năm 2019). Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc Gia môn Toán, Sinh, Hóa được cộng điểm thưởng vào tổng điểm 03 bài thi/môn thi Toán, Hóa học, Sinh học: Đạt giải Nhất Cộng 4,0 điểm, Đạt giải Nhì Cộng 3,0 điểm, Đạt giải Ba Cộng 2,0 điểm.

2.9. Lệ phí xét tuyển:

Theo quy định chung

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy và lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

Theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021

Nhà Trường thông báo mức thu học phí dự kiến của sinh viên tuyển mới

Học phí theo tín chỉ, tính trung bình trong cả khoá học

- Ngành Y khoa (6 năm) : 436.000 đồng/tín chỉ

(Khóa học có từ 220 đến 230 tín chỉ)

- Ngành Điều dưỡng (4 năm) : 410.000 đồng/tín chỉ

(Khóa học có từ 143 đến 147 tín chỉ)

- Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học (4 năm) : 410.000 đồng/tín chỉ

(Khóa học có từ 142 đến 147 tín chỉ)

- Ngành Kỹ thuật Hình ảnh Y học (4 năm) : 410.000 đồng/tín chỉ

(Khóa học có từ 143 đến 147 tín chỉ)

- Ngành Kỹ thuật Phục hồi chức năng (4 năm) : 410.000 đồng/tín chỉ

(Khóa học có từ 140 đến 146 tín chỉ)

Học phí theo tín chỉ, tính trung bình trong cả khoá học Đại học liên thông từ trình độ Cao đẳng: 610.434 đồng/tín chỉ (Khóa học có khoảng 46 tín chỉ)

2.11. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc trong quá trình đăng ký dự thi, đăng ký xét tuyển đại học năm 2019

STT	Họ và tên	Chức danh, Chức vụ	Điện thoại	Email
1	Trần Quang Cảnh	Phó hiệu trưởng	0904.307.543	canhhdt@gmail.com
2	Lê Đức Thuận	TP. QLĐT	0913.178.637	leducthuan@hmtu.edu.vn
3	Nguyễn Kiều Hưng	CB Phòng QLĐT	0868.651.156	hungnk@hmtu.edu.vn

2.12. Các nội dung khác.

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

3.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1:

Sau khi xét tuyển đợt 1 (nếu còn chỉ tiêu)

3.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2:

Sau khi xét tuyển bổ sung đợt 1 (nếu còn chỉ tiêu).

4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 8.79546 ha
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 34021.24 m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 1168

4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1.	Phòng thực hành Sinh học Di truyền	Kính hiển vi quang học
2.	Phòng thực hành Giải phẫu 1,2,3	Các mô hình giải phẫu (mô hình xương, cơ, khớp, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, thần kinh, giác quan), tranh giải phẫu, máy chiếu projector
3.	Phòng thực hành Giải phẫu 3 D	Máy tính cài phần mềm trình chiếu 3D, Kính 3D, máy chiếu projector
4.	Phòng thực hành Xác	Xác người
5.	Phòng thực hành Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi, tiêu bản giải phẫu bệnh, máy chiếu projector
6.	Labo Giải phẫu bệnh	Kính hiển vi, máy cắt bệnh phẩm, Tủ hóa chất, ...
7.	Phòng thực hành Mô	Kính hiển vi, tiêu bản Mô, máy chiếu projector
8.	Phòng TH Sinh lý – Sinh lý bệnh	Bộ dụng cụ mổ thỏ, mổ ếch, tủ dụng cụ, các thiết bị phục vụ thực hành sinh lý máu,.....
9.	Phòng thực hành Xquang (Xương khớp 1, Xương khớp 2)	Máy X quang Shimadzu tăng sáng truyền hình
10.	Phòng thực hành chụp XQ (Sinh dục tiết niệu, chụp vú)	Máy chụp vú Mamography
11.	Phòng thực hành Xquang tiêu hóa	Máy X quang tổng hợp
12.	Phòng TH đo mật độ loãng xương	Máy X quang đo mật độ xương
13.	Phòng TH chụp xquang mô phỏng 1	Máy X Quang 300

14.	Phòng TH chụp xquang mô phỏng 2	Máy X Quang Gerenal
15.	Phòng thực hành chụp XQ răng hàm mặt (chụp Paranoma)	Máy chụp răng toàn cảnh SIRONA
16.	Phòng thực hành chụp CLVT đa dãy (16 dãy)	Máy chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner)
17.	Phòng thực hành siêu âm 1	Máy Siêu âm Voluson P8
18.	Phòng thực hành siêu âm 2	Máy siêu âm Voluson S8
19.	Phòng thực hành siêu âm 3	Máy siêu âm ALOKA 3500
20.	Phòng thực hành siêu âm 4	Máy siêu âm ALOKA 4000
21.	Phòng thực hành siêu âm 5	Máy siêu âm ALOKA 15000
22.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 1	Ròng rọc, giàn tập, thanh song song, đèn hồng ngoại, tạ tập, mô hình giải phẫu, giường tập, các dụng cụ tập luyện vận động
23.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 2	Máy điều trị từ trường, máy kéo giãn cột sống cổ, thắt lưng, giường tập, xe lăn, tạ tập, các dụng cụ tập luyện vận động
24.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 3	Máy điều trị sóng ngắn, máy siêu âm, máy điện phân – điện xung, giường tập, tạ tập, xe lăn, các dụng cụ tập luyện hoạt động trị liệu
25.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 4	Máy điều trị laser, máy điện trường cao áp, đèn tử ngoại, giường tập, ghế tập, các dụng cụ tập luyện ngôn ngữ trị liệu
26.	Phòng thực hành vật lý trị liệu 5,6	Giường tập, ghế tập, xe lăn, nạng, gậy, khung tập đi.
27.	Phòng thực hành đa năng 1,2 : Thực hành điều dưỡng cơ bản	Giường, cáng, xe tiêm, phương tiện băng cố định bất động xương, mô hình chăm sóc, máy theo dõi máy điện tim...máy hút, bơm tiêm điện... mô hình thực hiện các thủ thuật điều dưỡng cơ bản và chăm sóc đa năng : nội ngoại, sản, nhi, mô hình cấp cứu ban đầu

28.	Phòng thực hành đa năng 3,4,5: Thăm khám, chăm sóc và thủ thuật	Giường đa năng, Projector, mô hình thăm khám, mô hình thực hiện các thủ thuật: chọc dò màng bụng, màng tim, màng phổi, màng tim..., các mô hình chăm sóc đa năng: nội ngoại, sản, nhi
29.	Phòng thực hành giao tiếp:	Giường, bàn, camera, máy quay và truyền thông tin...
30.	Phòng thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn	Lab rửa tay thường quy, rửa tay ngoại khoa, máy hấp ướt, máy sấy khô...
31.	Phòng thực hành gây mê hồi sức	Máy gây mê, máy thở, máy monitor, bơm tiêm điện, bàn mổ, đèn mổ, mô hình đặt ống NKQ, mô hình đặt mask thanh quản, máy hút, máy tạo ôxy, mô hình chọc dò tủy sống, mô hình chọc dò đám rối TKCT... các phương tiện dụng cụ cho phẫu thuật
32.	Phòng ICU	Giường đa năng, máy theo dõi monitor, máy thở, bơm tiêm điện, máy hút, máy truyền dịch, mô hình chăm sóc toàn diện...
33.	Phòng mô phỏng sản nhi	Các mô hình mô phỏng chăm sóc sản nhi và các trang thiết bị đi kèm
34.	Phòng thăm khám và chăm sóc đa năng	Giường đa năng, các mô hình chăm sóc và thăm khám toàn diện: người lớn, người già, trẻ em, trẻ sơ sinh, sản phụ...
35.	Phòng mô phỏng thăm khám toàn diện người lớn	Mô hình mô phỏng và các trang thiết bị đi kèm, mô hình nghe tim phổi mô phỏng
36.	Phòng thực hành phẫu thuật thực hành	Giường đa năng, projector, bàn mổ súc vật, các bộ dụng cụ phẫu thuật, mô hình khâu vết thương.
37.	Phòng thực hành Hóa	Máy đo pH để bàn Hanna, Cân điện tử, Bể cách thủy, Buret các loại.
38.	Phòng thực hành Lý sinh	Kính hiển vi điện tử
39.	Phòng thực hành Tin học	Máy tính, Máy in, Máy chiếu projector, Switch ...

40.	Phòng thực hành tiếng	Máy tính, Tai nghe, Phần mềm
41.	Phòng thực hành Răng hàm mặt	Bộ dụng cụ khám Răng, Bộ dụng cụ hàn răng, Bộ dụng cụ nhổ răng, Bộ dụng cụ điều trị tủy, Máy khoan di động, Mẫu hàm, nồi hấp.
42.	Labo Dinh dưỡng – Tiết chế	Đo lớp mỡ dưới da, Máy đo nồng độ Gluco, Lò vi sóng, Máy sấy bát đĩa, Tủ lạnh, Nồi cơm điện, Máy sấy hoa quả, Máy ép hoa quả, Bếp ga, bình ga, cân, xoong, nồi, chảo
43.	Phòng thực hành sức khỏe môi trường – sức khỏe nghề nghiệp.	Máy đo ánh sáng, Máy đo độ ồn, Máy đo tốc độ gió, Thiết bị xét nghiệm nhanh nước thải và nước sinh hoạt, Máy đo độ bụi, Máy đo hơi khí độc.
44.	Phòng thực hành tế bào mô bệnh học	Máy cắt lạnh, máy đúc bệnh phẩm, kính hiển vi kết nối màn hình,...
45.	Phòng thực hành Sinh học phân tử	Tủ hood Safehood 75, Máy lắc Analog VortexMixer, Máy đồng nhất mẫu PT Polytron 1200E. Máy ủ nhiệt khô Block heater - SBH 130D, Máy ly tâm 80 - 2A, Máy ly tâm lạnh, Hệ thống máy Realtime PCR Eppendorf, Máy PCR Biozad, Máy chụp gel Biozad, hệ thống điện di Biozad, Máy khuấy từ gia nhiệt
46.	Phòng thực hành Hóa sinh 1,2,3	Máy hóa sinh tự động và bán tự động, máy xét nghiệm nước tiểu, máy phân tích khí máu, tủ lạnh, máy cất nước, ...

47.	Labo Xét nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm	Các loại cân, Các loại tủ lạnh (tủ âm sâu), Máy làm đá vảy, Các loại máy li tâm, máy nghiền mẫu, máy đo PH, máy lắc, máy khuấy từ gia nhiệt, máy phân tích nước, máy đo độ nhớt cơ, máy lọc nước, Máy điện di mật độ kế, máy chuyển hóa năng lượng, máy cất nước, máy phá mẫu bằng vi sóng, máy cô mẫu, tủ nuôi cấy, Hệ thống quang phổ hấp thụ, hệ thống hấp thụ nguyên tử ...
48.	Phòng thực hành Huyết học Truyền máu 1,2,3	Máy đếm tế bào tự động, Máy đếm bán tự động, Máy định danh nhóm máu, Máy đông máu tự động, bán tự động; Máy đo tốc độ máu lắng, Kính hiển vi kết nối màn hình, kính hiển vi thường, máy li tâm, tủ ẩm, nồi cách thủy, máy lắc tiểu cầu, tủ trữ máu,...
49.	Phòng thực hành Vi sinh 1,2,3	Tủ an toàn sinh học, tủ nuôi cấy vi sinh, nồi hấp, tủ ẩm, tủ sấy, tủ Clean Beach, Kính hiển vi thường và KHV kết nối màn hình,...
50.	Phòng thực hành Ký sinh trùng 1,2,3	Tủ ẩm, tủ sấy, tủ nuôi cấy, nồi hấp tiệt trùng, kính hiển vi kết nối màn hình,...

- Bệnh viện thực hành chính:

- + Bệnh viện trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương
- + Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương
- + Bệnh viện 7 – Quân khu 3
- + Các bệnh viện chuyên khoa:
 - Bệnh viện Phụ Sản – Tỉnh Hải Dương
 - Bệnh viện Nhi – Tỉnh Hải Dương
 - Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Hải Dương
 - Bệnh viện Y học cổ truyền– Tỉnh Hải Dương
 - Bệnh viện Phổi– Tỉnh Hải Dương
 - Bệnh viện Tâm thần– Tỉnh Hải Dương
 - Bệnh viện Mắt – Da liễu Tỉnh Hải Dương

- Bệnh viện Bệnh nhiệt đới tỉnh Hải Dương.
- + Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hải Dương
- + Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương
- + Các đơn vị y tế tuyến Huyện - Tỉnh Hải Dương
 - Bệnh viện đa khoa Hòa Bình
 - Trung tâm Y tế Thành phố Hải Dương
 - Trung tâm Y tế huyện Gia Lộc - Hải Dương
 - Trung tâm Y tế Thị xã Chí Linh - Hải Dương
 - Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang - Hải Dương
 - Trung tâm Y tế huyện Kim Thành - Hải Dương
 - Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện - Hải Dương
 - Trung tâm Y tế huyện Kinh Môn - Hải Dương
 - Trung tâm Y tế huyện Nam Sách - Hải Dương
 - Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ - Hải Dương
 - Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà - Hải Dương
- **Cơ sở thực tập - thực tế tốt nghiệp:**
- + Tuyển trung ương:
 - Bệnh viện Hữu nghị
 - Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
 - Bệnh viện Bạch Mai
 - Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển Uông Bí
 - Bệnh viện E
 - Bệnh viện K
 - Bệnh viện Phổi Trung ương
 - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108
 - Bệnh viện 198 – Bộ Công An
 - Bệnh viện Điều dưỡng phục hồi chức năng Sầm Sơn
- + Tuyển tỉnh – thành phố
 - Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp – Hải Phòng
 - Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên
 - Bệnh viện Xanh Pôn – Hà Nội
 - Bệnh viện Đại học Y Hà Nội
 - Viện Phục hồi chức năng Hà Nội
 - Bệnh viện Ung bướu Hà Nội.
- + Tuyển Quận, Huyện
 - Bệnh viện Đống Đa - Hà Nội
 - Trung tâm Y tế huyện Gia Lộc - Hải Dương

- Trung tâm Y tế thị xã Chí Linh - Hải Dương
- Trung tâm Y tế huyện Ninh Giang - Hải Dương
- Trung tâm Y tế huyện Kim Thành - Hải Dương
- Trung tâm Y tế huyện Thanh Miện - Hải Dương
- Trung tâm Y tế huyện Kinh Môn - Hải Dương
- Trung tâm Y tế huyện Nam Sách - Hải Dương
- Trung tâm Y tế huyện Tứ Kỳ - Hải Dương
- Trung tâm Y tế huyện Thanh Hà – Hải Dương

4.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02
	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	16
	Phòng học từ 50-100 chỗ	25
	Số phòng học dưới 50 chỗ	06
	Số phòng học đa phương tiện	01

4.1.4. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành VI	7986 đầu sách (52.167 quyển)

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu

STT		GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ TSKH	ThS	ĐH	CĐ
	Khối ngành VI						
1.	Lê Thúy Hương			X			
2.	Nguyễn Văn Tăng			X			
3.	Trần Thị Bích Thảo				X		
4.	Nguyễn Thành Luân				X		
5.	Nguyễn Thị Huyền				X		
6.	Nguyễn Thị Nga				X		
7.	Nguyễn Văn Khởi				X		
8.	Đỗ Thị Hải Đăng				X		
9.	Nguyễn Thị Kiều Liên				X		
10.	Mạc Thị Thảo				X		
11.	Nguyễn Huy Hoàng				X		
12.	Nguyễn Thị Tuyết				X		
13.	Đỗ Thị Kim Oanh				X		

14.	Nguyễn Hải Trung				x		
15.	Hoàng Thị Thu Hiền				x		
16.	Nguyễn Thị Nhung				x		
17.	Vũ Thị Thanh Nga				x		
18.	Lê Thị Thanh Trà				x		
19.	Phạm Thị Thanh Thủy				x		
20.	Phạm Thị Thắm				x		
21.	Nguyễn Thị Phương Thảo				x		
22.	Nguyễn Dương Cẩm				x		
23.	Mai Đức Hệ				x		
24.	Đặng Thị Hương Hà				x		
25.	Vũ Thị Phương Ngoan				x		
26.	Nguyễn Thị Thanh Nhân				x		
27.	Hoàng Thị Trang				x		
28.	Phạm Thị Phương Thanh				x		
29.	Đồng Minh Sơn Huyền Trang				x		
30.	Nguyễn Thị Thanh Hương				x		
31.	Nguyễn Đức Huân				x		
32.	Trương Thị Thu Hương				x		
33.	Phạm Thị Thùy Như				x		
34.	Trần Thị Xuân				x		
35.	Nguyễn Thị Thanh Hoa				x		
36.	Đỗ Trọng Tiến				x		
37.	Nguyễn Kiều Hưng				x		
38.	Nguyễn Tuấn Anh				x		
39.	Nguyễn Thị Thanh Loan				x		
40.	Vũ Thị Hồng Lý				x		
41.	Đặng Thị Thanh Hương				x		
42.	Đỗ Thị Phương Nguyên				x		
43.	Trần Tuấn Phương				x		
44.	Diêm Thị Hào Tâm				x		
45.	Bùi Quang Thuần				x		
46.	Nguyễn Thanh Thủy				x		
47.	Phạm Thị Xuyên				x		
48.	Khúc Kim Lan				x		
49.	Dương Văn Tú					x	
50.	Nguyễn Thị Huyền Trang					x	

51.	Nguyễn Thị Thu Hằng					x	
52.	Trần Thị Hiền					x	
53.	Vương Thị Duyên					x	
54.	Nguyễn Thị Tân					x	
55.	Nguyễn Khắc Tú					x	
56.	Nguyễn Thị Giang					x	
57.	Hoàng Thị Thúy					x	
58.	Bùi Thị Nga					x	
59.	Phùng Thế Khang					x	
60.	Hoàng Văn Tuấn					x	
61.	Thái Duy Kiên					x	
62.	Trương Thị Thư			x			
63.	Nguyễn Đình Thiệp					x	
64.	Nguyễn Văn Dương					x	
65.	Vũ Đức Chính					x	
66.	Trần Ngọc Anh					x	
67.	Nguyễn Thị Mai Dung					x	
68.	Nguyễn Quang Cường					x	
69.	Nguyễn Thành Long					x	
70.	Bùi Thị Thông					x	
71.	Bùi Thị Tĩnh					x	
72.	Vũ Thị Ánh					x	
73.	Đinh Thị Diệu Hằng			x			
74.	Nguyễn Công Khẩn	x					
75.	Lê Đức Thuận			x			
76.	Nguyễn Thị Minh Thu			x			
77.	Nguyễn Thị Nga				x		
78.	Trần Thị Dinh				x		
79.	Nguyễn Đình Dũng				x		
80.	Lê Quang Trung				x		
81.	Trần Thị Thu Hương				x		
82.	Nguyễn Thị Hằng				x		
83.	Lê Thị Mỹ Hương				x		
84.	Tạ Thị Nguyên				x		
85.	Nguyễn Thị Mai				x		
86.	Đỗ Thị Thu Hiền				x		
87.	Đoàn Thị Phượng				x		

88.	Ninh Vũ Thành				X		
89.	Vũ Thị Hải				X		
90.	Phạm Thị Hạnh				X		
91.	Phùng Văn Dự				X		
92.	Đào Thị Phượng				X		
93.	Trần Thùy Dương				X		
94.	Bùi Thị Loan				X		
95.	Hoàng Thị Huệ				X		
96.	Phạm Thị Thanh Phương				X		
97.	Lương Thị Hải Yến				X		
98.	Vũ Thị Sao Chi				X		
99.	Nguyễn Thị Chinh				X		
100.	Nguyễn Thị Mai				X		
101.	Vũ Đình Tuyên				X		
102.	Nguyễn Thị Oanh					X	
103.	Lương Thị Thu Hà					X	
104.	Nguyễn Huyền Nhung					X	
105.	Đỗ Văn Hăng					X	
106.	Nguyễn Thị Tươi					X	
107.	Đặng Thị Yến					X	
108.	Đỗ Văn Hoãn					X	
109.	Nguyễn Hà Châm					X	
110.	Ngô Thị Hiền					X	
111.	Phạm Thị Dịu					X	
112.	Lê Thị Cẩm Hương					X	
113.	Bùi Thị Thu Thủy					X	
114.	Vũ Thị Trang					X	
115.	Nguyễn Thị Hòa					X	
116.	Đỗ Thị Huyền					X	
117.	Nguyễn Thị Thu Hiền					X	
118.	Lê Văn Thu					X	
119.	Hà Thị Thu Trang					X	
120.	Lê Ngọc Mai					X	
121.	Vũ Thị Huệ					X	
122.	Nguyễn Xuân Hùng					X	
123.	Nguyễn Thị Hoa					X	
124.	Nguyễn Thị Thúy Hường					X	

125.	Nguyễn Thị Huế					x	
126.	Đàm Thị Thùy					x	
127.	Hoàng Thị Bắc					x	
128.	Lê Thị Yên					x	
129.	Đỗ Thị Huế					x	
130.	Vũ Thị Quyển					x	
131.	Vũ Thị Hân					x	
132.	Vũ Thị Vân					x	
133.	Phạm Thị Luyện					x	
134.	Nguyễn Thùy Linh					x	
135.	Phạm Thị Nhẹ					x	
136.	Hoàng Thị Thu					x	
137.	Đặng Thị Thanh Hòa					x	
138.	Vũ Thị Hiền					x	
139.	Nguyễn Thị Huệ					x	
140.	Vũ Thị Linh					x	
141.	Nguyễn Thị Thu Trang					x	
142.	Lê Huy Thế					x	
143.	Lương Thị Ngọc					x	
144.	Phạm Thị Xưa					x	
145.	Mạc Văn Nguyên					x	
146.	Tăng Thị Hường					x	
147.	Phạm Thị Ngọc Thủy					x	
148.	Vũ Thị Kim Ngân					x	
149.	Bùi Thị Hậu					x	
150.	Đàm Văn Thương					x	
151.	Nguyễn Thị Hoa					x	
152.	Vũ Thị Kiều Trang					x	
153.	Phạm Đức Cường					x	
154.	Trần Văn Cương					x	
155.	Vũ Thị Hậu					x	
156.	Ngô Minh Khuê					x	
157.	Phạm Thanh Sơn					x	
158.	Vũ Thị Huệ					x	
159.	Hà Thị Chinh					x	
160.	Vũ Thùy Dung					x	
161.	Trần Văn Việt		x				

162.	Nguyễn Quốc Dũng		x				
163.	Nguyễn Văn Thanh			x			
164.	Vũ Công Danh				x		
165.	Hà Văn Đức				x		
166.	Phạm Thị Thu Thủy				x		
167.	Nguyễn Văn Thắng				x		
168.	Lê Mạnh Hùng				x		
169.	Trịnh Văn Đông				x		
170.	Nguyễn Hải Niên				x		
171.	Phạm Hữu Thiên				x		
172.	Trần Văn Biên				x		
173.	Nguyễn Tuấn Anh				x		
174.	Đàm Văn Đạt					x	
175.	Nguyễn Quốc Đạt					x	
176.	Nguyễn Xuân Tuyền					x	
177.	Cù Huy Nghĩa					x	
178.	Trần Xuân Lộc					x	
179.	Vũ Đức Đạt					x	
180.	Lê Văn Vinh					x	
181.	Nguyễn Đức Hoàng					x	
182.	Vũ Văn Thành					x	
183.	Nguyễn Duy Khánh					x	
184.	Nguyễn Đình Hiệp					x	
185.	Trần Văn Minh					x	
186.	Đỗ Tiến Sơn					x	
187.	Nguyễn Đình Kỳ					x	
188.	Nguyễn Văn Đô					x	
189.	Thân Văn Việt					x	
190.	Hoàng Mạnh Tuấn					x	
191.	Dương Văn Bảng					x	
192.	Hoàng Văn Hưng					x	
193.	Bùi Xuân Phúc					x	
194.	Lương Tuấn Khanh		x				
195.	Phạm Thị Thùy Linh				x		
196.	Lê Phi Hào				x		
197.	Nguyễn Thị Bắc				x		
198.	Ngô Bá Hưng				x		

199.	Nguyễn Thị Nga				x		
200.	Phạm Thị Cẩm Hưng				x		
201.	Đinh Thị Hoa				x		
202.	Phạm Văn Mạnh				x		
203.	Nguyễn Minh Ngọc				x		
204.	Nghiêm Thị Thu Thủy				x		
205.	Nguyễn Khắc Tuấn					x	
206.	Phạm Thị Mai Loan					x	
207.	Lê Thị Hà					x	
208.	Nguyễn Thị Thu Trang					x	
209.	Lê Thị Kim Phụng					x	
210.	Nguyễn Thị Hằng					x	
211.	Phạm Thị Vần					x	
212.	Đặng Thị Thúy Hằng					x	
213.	Nguyễn Thị Tuyết Ngân					x	
214.	Lê Thùy Dung					x	
215.	Vũ Thị Loan					x	
216.	Lê Văn Thiết					x	
217.	Nguyễn Thị Thu Tươi					x	
218.	Lê Thị Thúy Hằng					x	
219.	Trần Quang Cảnh			x			
220.	Đinh Thị Xuyên			x			
221.	Đặng Thị Thùy Dương			x			
222.	Phạm Minh Sơn				x		
223.	Nguyễn Thị Hồng Thúy				x		
224.	Nguyễn Đức Hoàng				x		
225.	Phạm Thị Hồng				x		
226.	Hoàng Quỳnh Trang				x		
227.	Hoàng Thị Thu Huyền				x		
228.	Nguyễn Thị Thanh Hải				x		
229.	Ngô Thị Thảo				x		
230.	Ngô Quỳnh Diệp				x		
231.	Nguyễn Thị Huyền				x		
232.	Trần Danh Khởi				x		
233.	Ngụy Đình Hoàn				x		
234.	Nguyễn Thị Hồng Nhung				x		
235.	Nguyễn Thị Hồng Nhung				x		

236.	Hà Quốc Dương				x		
237.	Phùng Thị Luyện				x		
238.	Luân Quang Kỳ					x	
239.	Nguyễn Thị Ánh					x	
240.	Nguyễn Thị Hoa					x	
241.	Đinh Thị Lan					x	
242.	Cao Văn Tuyển					x	
243.	Phan Thị Tuyết					x	
244.	Lê Quang Huy					x	
245.	Lê Đắc Dương					x	
246.	Chu Thị Minh Thu					x	
247.	Đoàn Thị Thúy					x	
248.	Lại Thị Yến					x	
249.	Nguyễn Thị Hào					x	
250.	Phương Thị Kim Liên					x	
251.	Hoàng Thị Hằng					x	
252.	Phạm Thị Thủy					x	
253.	Vũ Bá Việt Phương					x	
254.	Nguyễn Thị Hồng Quyên					x	
255.	Vũ Thị Lan Anh					x	
256.	Vũ Thị Hải Hà					x	
257.	Hoàng Thị Hậu					x	
258.	Vũ Thị Hằng					x	
259.	Phạm Minh Tuệ					x	
260.	Phùng Thị Khánh Thảo					x	
261.	Lê Thị Thảo					x	
262.	Luyện Thị Thanh Nga					x	
263.	Vũ Xuân Hiệu					x	
264.	Nguyễn Văn Quang					x	
265.	Nguyễn Thị Phương Cúc					x	
266.	Trần Quang Hữu					x	
267.	Vũ Đình Chính		x				
268.	Nguyễn Văn Lưu			x			
269.	Phạm Xuân Thành			x			
270.	Nguyễn Hữu Thắng			x			
271.	Nguyễn Đình Hòa			x			
272.	Nguyễn Xuân Huy			x			

273.	Nguyễn Thị Thức			X			
274.	Nguyễn Hằng Lan			X			
275.	Lê Văn Thêm			X			
276.	Nguyễn Duy Đông			X			
277.	Hà Thị Thanh Loan				X		
278.	Vũ Văn Nguyên				X		
279.	Nguyễn Thái Bình				X		
280.	Trần Thanh Hòa				X		
281.	Nguyễn Thị Thu Hiền				X		
282.	Nguyễn Văn Nam				X		
283.	Đặng Thị Thu Hà				X		
284.	Hoàng Thạch Quyền				X		
285.	Đào Thị Phương Dung				X		
286.	Vũ Đình Hùng					X	
	Tổng giảng viên toàn trường (286)	01	04	19	116	146	0

4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

STT	Khối ngành/ ngành	GS.TS/ GS.TSKH	PGS.TS/ PGS.TSKH	TS/ BSCK II	ThS/ BSCK I	ĐH	CĐ
	Khối ngành VI						
1.	Đỗ Đào Vũ		X				
2.	Phạm Xuân Lúy			X			
3.	Nguyễn Văn Vường			X			
4.	Bùi Xuân Hiền			X			
5.	Phạm Thị Sơn			X			
6.	Nguyễn Danh Toán			X			
7.	Phạm Đăng Minh			X			
8.	Nguyễn Hữu Duân			X			
9.	Đặng Minh Tú			X			
10.	Phạm Đình Huyền			X			
11.	Nguyễn Thị Thu Hà			X			
12.	Nguyễn Xuân Thẩm			X			
13.	Nguyễn Quý Thanh			X			
14.	Lê Xuân Bách			X			
15.	Hoàng Văn Lý			X			
16.	Vũ Xuân Tuấn			X			

17.	Nguyễn Đình Hải			x			
18.	Đặng Vũ Hải			x			
19.	Phạm Thị Tuyết Hà			x			
20.	Cao Văn Học			x			
21.	Nguyễn Đức Thơ			x			
22.	Nguyễn Đức Hùng			x			
23.	Vũ Đức Cung			x			
24.	Nguyễn Văn Sang			x			
25.	Nguyễn Đăng Hoà			x			
26.	Trương Mậu Sơn			x			
27.	Nguyễn Văn Thành			x			
28.	Nguyễn Văn Ngọc			x			
29.	Nguyễn Văn Kiểm			x			
30.	Vũ Trí Hiếu				x		
31.	Nguyễn Văn Phương				x		
32.	Trần Văn Vinh				x		
33.	Phạm Hải Trung				x		
34.	Phạm Mạnh Chung				x		
35.	Lê Quang Hưng				x		
36.	Lê Anh Tuấn				x		
37.	Trần Thị Lan				x		
38.	Đặng Hồng Văn				x		
39.	Nguyễn Xuân Thông				x		
40.	Nguyễn Khải Hoàn				x		
41.	Vũ Minh Hiệp				x		
42.	Nguyễn Thành Vân				x		
43.	Nguyễn Đức Phúc				x		
44.	Đặng Việt Công				x		
45.	Nguyễn Hồng Quân				x		
46.	Nguyễn Quốc Huy				x		
47.	Kiều Xuân Việt				x		
48.	Trương Tiến Hoàn				x		
49.	Vũ Lê Hoàng				x		
50.	Phạm Hồng Nguyên				x		
51.	Vũ Quốc Vịnh				x		

52.	Đỗ Hải Hùng				x		
53.	Nguyễn Mạnh Hùng				x		
54.	Vũ Minh Ủy				x		
55.	Nguyễn Quang Đợi				x		
56.	Hà Quang Tạo			x			
57.	Lê Ngọc Tuấn				x		
58.	Nguyễn Trung Tuấn				x		
59.	Vũ Thanh Tùng				x		
60.	Phạm Thị Kim Dung				x		
61.	Trần Hồng Nhã				x		
62.	Phạm Tuấn Thắng				x		
63.	Nguyễn Văn Ba				x		
64.	Bùi Thị Ngọc Lan				x		
65.	Đoàn Tuấn Thành				x		
66.	Dương Đức Hiếu				x		
67.	Nguyễn Thị Thanh Huyền				x		
68.	Nguyễn Ngọc Phong				x		
69.	Nguyễn T. Hương Thảo				x		
70.	Nguyễn Tiến Khởi				x		
71.	Vũ Tiến Phương				x		
72.	Đặng Hồng Minh				x		
73.	Mạc Doanh Thịnh				x		
74.	Nguyễn Xuân Lượng				x		
75.	Đào Hồng Kỳ				x		
76.	Nguyễn Thanh Bình				x		
77.	Nguyễn Thị Thu Hương				x		
78.	Nguyễn Hồng Thắng				x		
79.	Đoàn Văn Khôi				x		
80.	Trần Trung Kiên				x		
81.	Trần Thị Nga				x		
82.	Nguyễn Thị Phương				x		
83.	Nguyễn Thị Hường				x		
84.	Tăng Văn Nhâm				x		
85.	Nguyễn Thị Phương				x		
86.	Đỗ Thị Hương				x		

87.	Lê Thanh Duyên				X		
88.	Nguyễn Khắc Thái				X		
89.	Lê Quang Đức				X		
90.	Đặng Xuân Cường				X		
91.	Vũ Quang Sản				X		
92.	Bùi Thị Thanh Huyền				X		
93.	Phạm Văn Huân				X		
94.	Trần Đăng Khoa				X		
95.	Trần Văn Võ				X		
96.	Vũ Huy Tùng				X		
97.	Nguyễn Hữu Biên				X		
98.	Nguyễn Văn Hoan				X		
99.	Lê Văn Diễm				X		
100.	Nguyễn Văn Phúc				X		
101.	Phạm Văn Thành				X		
102.	Bùi Quang Thành				X		
103.	Nguyễn Đăng Nhuận				X		
104.	Vũ Văn Tuấn				X		
105.	Hứa Trung Kiên				X		
106.	Nguyễn Văn Viêm				X		
107.	Nhâm Lệ Thu				X		
108.	Đỗ Văn Thuận				X		
109.	Vũ Thanh Tuấn				X		
110.	Nguyễn Văn Khôi				X		
111.	Lê Đình Thái				X		
112.	Phạm Văn Khiêm				X		
113.	Vũ Thị La				X		
114.	Nguyễn Thanh Hải				X		
115.	Nguyễn Thị Lan				X		
116.	Nguyễn Thị Minh Hoài				X		
117.	Nguyễn Thị Phương Oanh				X		
118.	Bùi Quang Trung				X		
119.	Nguyễn Thị Huế				X		
120.	Nguyễn Thị Thùy Dương				X		
121.	Phạm Thị Hải				X		

122.	Nguyễn Văn Đạo				X		
123.	Phạm Thị Thanh Tâm				X		
124.	Nguyễn Thế Tùng				X		
125.	Nguyễn Xuân Lộc				X		
126.	Phạm Danh Khoa				X		
127.	Bùi Thị Minh Hoà				X		
128.	Đặng Văn Thượng				X		
129.	Nguyễn Như Bách				X		
130.	Nguyễn Đình Thanh				X		
131.	Nguyễn Thị Hạnh				X		
132.	Trần Văn Huân				X		
133.	An Văn Nam				X		
134.	Nguyễn Hồng Nghiệp				X		
135.	Ngô Thị Minh				X		
136.	Phạm An Quang				X		
137.	Chu Thị Minh Ngọc				X		
138.	Nguyễn Đình Mạnh				X		
139.	Trần Thị Thanh Nhân				X		
140.	Vũ Đình Huy				X		
141.	Dương Trung Kiên				X		
142.	Nguyễn Hữu Vinh				X		
143.	Nguyễn Thị Yến				X		
144.	Phạm Văn Hưng				X		
145.	Phạm Thế Duẩn				X		
146.	Nguyễn Thị Bích Duyên				X		
147.	Phạm Thế Duẩn				X		
148.	Nguyễn Việt Hòa				X		
149.	Tô Đình Phong				X		
150.	Ngô Lê Phong				X		
151.	Vũ Đình Cảnh				X		
152.	Trần Thị Bích Thanh				X		
153.	Nguyễn Trường Sơn				X		
154.	Nguyễn Nhân Trí				X		
155.	Đỗ Thành Vượng				X		
156.	Trần Tuyết Mai				X		

157.	Phạm Thư Hoàng				x		
158.	Phạm Văn Cơ				x		
159.	Phạm Thị Thục				x		
160.	Vũ Minh Tiến				x		
161.	Nguyễn Thị Năm				x		
162.	Trịnh Thị Biên				x		
163.	Nguyễn Hữu Ái				x		
164.	Nguyễn Văn Đức				x		
165.	Vũ Kim Lâm				x		
166.	Tiêu Văn Khôi				x		
167.	Dương Thị Huệ				x		
168.	Nguyễn Thị Hồng				x		
169.	Đoàn Hồng Minh				x		
170.	Ứng Minh Sơn				x		
171.	Nguyễn Ngọc Thịnh				x		
172.	Bùi Thị Minh Hòa				x		
173.	Nguyễn Văn Chiêu				x		
174.	Ngô Văn Việt				x		
175.	Bùi Văn Dương				x		
176.	Ngô Văn Việt				x		
177.	Đỗ Văn Quyết				x		
178.	Cao Duy Thành				x		
179.	Nguyễn Thành Lộc				x		
180.	Trịnh Đình Toán				x		
181.	Nguyễn Đình Bình				x		
182.	Tăng Hữu Trung				x		
183.	Nguyễn Đình Quang				x		
184.	Phạm Khắc Lâm				x		
185.	Hà Quang Lâm				x		
186.	Nguyễn Văn Di				x		
187.	Nguyễn Quý Phùng				x		
188.	Mạc Văn Cường				x		
189.	Nguyễn Đức Hùng				x		
190.	Nguyễn Văn Trăm				x		
191.	Dương Phúc Tích				x		

192.	Nguyễn Văn Nam				x		
193.	Nguyễn Thị Hoan				x		
194.	Nguyễn Bá Lợi				x		
195.	Nguyễn Thị Khanh				x		
196.	Mai Quang Bảo				x		
197.	Nguyễn Thị Hằng				x		
198.	Kim Thị Ly				x		
199.	Phạm Văn Sang				x		
200.	Phạm Văn Điền				x		
201.	Phạm Quyết Thắng				x		
202.	Quách Đình Nhật				x		
203.	Lê Văn Ánh				x		
204.	Phạm Văn Nhiệt				x		
205.	Nguyễn Thị Thanh				x		
206.	Nguyễn Văn Tĩnh					x	
207.	Đào Duy Hưng					x	
208.	Nguyễn Thái Học					x	
209.	Nguyễn Tuấn Hiệp					x	
210.	Hồ Sỹ Bình					x	
211.	Bùi Thái Dương					x	
212.	Nguyễn Đức Quảng					x	
213.	Nguyễn Đức Thảo					x	
214.	Nguyễn Văn Bền					x	
215.	Phạm Thị Nụ					x	
216.	Phạm Thị Hồng Ánh					x	
217.	Nguyễn Thị Phương					x	
218.	Phạm Thái Long					x	
219.	Phạm Thị Huế					x	
220.	Lê Mạnh Hà					x	
221.	Nguyễn Văn Duy					x	
222.	Ngô Văn Hân					x	
223.	Nguyễn Văn Kiên					x	
224.	Vũ Thị Chín					x	
225.	Trần Duy Dương					x	
226.	Nguyễn Thành Hưng					x	

227.	Phạm Minh Phụng					X	
228.	Vũ Văn Lý					X	
229.	Nguyễn Văn Biền					X	
230.	Quách Thị Thường					X	
231.	Vũ Tiến Thành					X	
232.	Phạm Duy Hiền					X	
233.	Đào Thị Mai Loan					X	
234.	Nguyễn Khánh Ly					X	
235.	Đặng Thị Hạnh					X	
236.	Nguyễn Thị Thúy					X	
237.	Phùng văn Hoan					X	
238.	Phạm Trung Hiếu					X	
239.	Nguyễn Tiến Huy					X	
240.	Phạm Thị Thu Hương					X	
241.	Bùi Công Khoa					X	
242.	Tăng Quang Thắng					X	
243.	Nguyễn Thế Linh					X	
244.	Phạm Dương Minh					X	
245.	Khương Thị Nhung					X	
246.	Nguyễn Thị Thu Hương					X	
247.	Vũ Thị Hải					X	
248.	Phạm Vĩnh Thương					X	
249.	Lê Thị Huệ					X	
250.	Nguyễn Thị Loan					X	
251.	Vũ Thị Trang					X	
252.	Đàm Thị Phương					X	
253.	Vũ Thị Nhân					X	
254.	Nguyễn Thị Hằng					X	
255.	Lưu Thị Kim Huệ					X	
256.	Bùi Thị Thùy Nhung					X	
257.	Đặng T. Thanh Trang					X	
258.	Phạm Đăng Quyết					X	
259.	Nguyễn Ngọc Tăng					X	
260.	Phạm Thị Hồng Tuyền					X	
261.	Nguyễn Thị Hồng Thắm					X	

262.	Vũ Quang Hoàn					X	
263.	Nguyễn Thị Thanh					X	
264.	Hà Thị Thu					X	
265.	Vũ Hải Anh					X	
266.	Tân Văn Nghĩa					X	
267.	Trần Văn Khương					X	
268.	Vũ Thị Thuận					X	
269.	Vũ Thị Quang					X	
270.	Nguyễn Kim Thanh					X	
271.	Bùi Quang Huy					X	
272.	Phạm Trung Thành					X	
273.	Nguyễn Thị Hương					X	
274.	Phạm Văn Hiệp					X	
275.	Nguyễn Thị Thuý Hà					X	
276.	Nguyễn Hồng Phương					X	
277.	Đỗ Huyền Trang					X	
278.	Nguyễn Văn Vượng					X	
279.	Đoàn Huy Tuyền					X	
280.	Phạm Thị Doan					X	
281.	Nguyễn Đức Long					X	
282.	Vũ Thị Ánh					X	
283.	Nguyễn Văn Thuận					X	
284.	Đoàn Văn Cường					X	
285.	Nguyễn Văn Thắng					X	
286.	Nguyễn T. Kim Phụng					X	
287.	Nguyễn Thị Kim Thoa					X	
288.	Nguyễn Thị Ngọc Lan					X	
289.	Nguyễn Thị Dịu					X	
290.	Đặng Thị Trang					X	
291.	Đỗ Huy Dương					X	
292.	Phạm Thị Tuyết Linh					X	
293.	Đào Giao Tuyên Dương					X	
294.	Lê Thị Tình					X	
295.	Nguyễn Thị Nụ					X	
296.	Nguyễn Thị Thanh Huyền					X	

297.	Đoàn Văn Nam					X	
298.	Vũ Thị Thảo					X	
299.	Nguyễn T. Mỹ Hạnh					X	
300.	Nguyễn Hồng Quân					X	
301.	Hoàng Thị Vinh					X	
302.	Nguyễn Đình Vinh					X	
303.	Đặng Thị Minh Thu					X	
304.	Nguyễn Văn Cương					X	
305.	Trịnh Đình Hoàn					X	
306.	Vũ Thị Ly					X	
307.	Phạm Vũ Hùng					X	
308.	Đào Thị Liên					X	
309.	Đặng Thanh Hải					X	
310.	Trịnh Thị Thắm					X	
311.	Trần Thị Ngoan					X	
312.	Nguyễn Thu Hoài					X	
313.	Nguyễn Thị Phụng					X	
314.	Phùng Bá Cường					X	
315.	Nguyễn Xuân Trường					X	
316.	Phạm Văn Hiệu					X	
317.	Vũ Thị Miên					X	
318.	Nguyễn Ngọc Triu					X	
319.	Lê Văn Diễm					X	
320.	Nguyễn Việt Đôn					X	
321.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt					X	
322.	Phạm Xuân Trường					X	
323.	Vũ Văn Hiếu					X	
324.	Tạ Thị Hồng Dung					X	
325.	Vũ Thị Thanh Nga					X	
326.	Lê Thị Dịu					X	
327.	Nguyễn Thị Hồng Ngân					X	
328.	Hà Thị Huyền					X	
329.	Nguyễn Văn Dũng					X	
330.	Hà Kim Hạnh					X	
331.	Nguyễn Văn Lập					X	

332.	Nông Thị Hà Lan					X	
333.	Nguyễn Hồng Hạnh					X	
334.	Vũ Thu Hương					X	
335.	Nguyễn Văn Nhiên					X	
336.	Nguyễn Việt Hồng					X	
337.	Lê Văn Huy					X	
338.	Vũ Thanh Huyền					X	
339.	Phạm Thị Nết					X	
340.	Nguyễn Thị Nốt					X	
341.	Vũ Thị Ngân					X	
342.	Phạm Thúy Hồng					X	
343.	Nguyễn Thị Hồng Lê					X	
344.	Lê Thị Hương					X	
345.	Nguyễn Văn Tuấn					X	
346.	Nguyễn Thị Thu Thanh					X	
347.	Lê Thị Diệu Linh					X	
348.	Trần Việt Liên					X	
349.	Nguyễn Văn Phương					X	
350.	Vũ Thị Bình					X	
351.	Lê Quang Phương					X	
352.	Đỗ Thị Thắm					X	
353.	Nguyễn T. Thu Huyền					X	
354.	Nguyễn Thị Hương					X	
355.	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt					X	
356.	Phạm Nguyên Chính					X	
357.	Nguyễn Thị Nga					X	
358.	Lê Thị Hiền					X	
359.	Nguyễn Thị Tâm					X	
360.	Đỗ Đức Phác					X	
361.	Bùi Thị Phương					X	
362.	Nguyễn Thị Hương					X	
363.	Trần Thị Minh Phượng					X	
364.	Trần Thanh Nam					X	
365.	Nguyễn Văn Hoá					X	
366.	Nguyễn Văn Tư					X	

367.	Phạm Văn Huy					x	
368.	Nguyễn Thị Thanh Tâm					x	
369.	Phùng Văn Cương					x	
370.	Bùi Thị Phương					x	
371.	Bùi Thị Hồng Gấm					x	
372.	Nguyễn Thị Dự					x	
373.	Phạm Thị Hải					x	
374.	Nguyễn Văn Thoan					x	
375.	Phạm Văn Thú					x	
376.	Phạm Thị Minh Huyền					x	
377.	Phạm Văn Mạnh					x	
378.	Phạm Ngọc Huy					x	
379.	Nguyễn Thanh Tùng					x	
380.	Trần văn Hậu					x	
381.	Vũ Kim Lâm					x	
382.	Phạm Văn Thú					x	
383.	Nguyễn Văn Thoan					x	
384.	Nguyễn Thị Thu Lan					x	
385.	Nguyễn Thị Kim Ngân					x	
386.	Nguyễn Thị Thanh					x	
387.	Nguyễn Thị Phương					x	
388.	Nguyễn Thị Ly					x	
389.	Nguyễn Thị Hiền					x	
390.	Nguyễn Thị Vân Anh					x	
391.	Hứa Thành Chung					x	
392.	Đặng Xuân Chiến					x	
393.	Vũ Đình Sơn					x	
394.	Vũ Thị Đông					x	
395.	Nguyễn Thị Hằng					x	
396.	Hoàng Ngọc Lân					x	
397.	Vũ Thị Hoa					x	
398.	Nguyễn Quang Quý					x	
399.	Hoàng Thị Thu Hằng					x	
400.	Phạm Thị Thắm					x	
401.	Vũ Thị The					x	

402.	Vũ Thị Ích					X	
403.	Bùi Bá Long					X	
404.	Lê Thị Bình					X	
405.	Vũ Thị Phin					X	
406.	Vũ Quý Cuối					X	
407.	Phùng Thị Bông					X	
408.	Vũ Thị Thu Hương					X	
409.	Lê Thị Mỹ					X	
410.	Phạm Thị Lan Anh					X	
411.	Đặng Thị Duyên					X	
412.	Nguyễn Thị Lộc					X	
413.	Nguyễn Thị Thúy					X	
414.	Mai Thị Tường Hoa					X	
415.	Bùi Thị Lan					X	
416.	Nguyễn Văn Cường					X	
417.	Vũ Thị Thuý					X	
418.	Đào Thị Hương					X	
419.	Trần Công Minh					X	
420.	Trần Thị Thuý					X	
421.	Hoàng Thị Hằng					X	
422.	Trần Thị Hải Hương					X	
423.	Đào Thị Gấm					X	
424.	Phạm Vĩnh Chương					X	
425.	Phạm Thanh Hồng					X	
426.	Nguyễn Thị Vinh					X	
427.	Nguyễn Thị Dung					X	
428.	Nguyễn Văn Thoan					X	
429.	Phạm Văn Thú					X	
430.	Đặng Thị Tuyết					X	
431.	Trịnh Thanh Tùng					X	
432.	Lê Thị Vân					X	
433.	Nguyễn Thị Hiền					X	
	Tổng số giảng viên thỉnh giảng toàn trường: 433		1	29	175	228	

5. Tình hình việc làm (thống kê cho 3 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Khóa học	Chỉ tiêu	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Số sinh viên tốt nghiệp	Trong số sinh viên tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng
Nhóm ngành VI	2011-2015	450	469	456	$395/427 = 92.51\%$
	2012-2016	450	460	439	$277/302 = 91.72\%$
	2013-2017	520	535	474	$339/368 = 92.12\%$

6. Tài chính:

- Tổng nguồn thu hợp pháp/ năm của trường (bao gồm nguồn kinh phí thường xuyên, kinh phí không thường xuyên, đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn thu sự nghiệp tại trường): 167.845.859.720 đồng;

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 01 sinh viên/ năm của năm trước tuyển sinh: 15.989.149 đồng.

Hải Dương, ngày 1 tháng 3 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Dinh Thị Diệu Hằng